TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HSST
Ngày 25/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Y Nik Êban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 21/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HS ngày 11/8/2023, đối với các bị cáo:

1. LƯƠNG VĂN S.

Sinh ngày 15 tháng 5 năm 1993; Tại: Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Lương Văn T (đã chết) và bà Bế Thị D, sinh năm 1965; có vợ là Huỳnh Thị T và có 01 con, sinh năm 2022.

- Tiền án: 01 tiền án. Ngày 28/12/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" (theo Bản án số: 30/2020/HSST). Ngày 08/6/2021, chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 29/11/2018, bị Công an huyện Ea Kar xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng (theo Quyết định số: 000114/QĐ/XPVPHC), về hành vi cố ý gây thương tích. Sau đó bị cáo bỏ trốn nên đến nay chưa nộp phạt.

- Nhân thân: + Ngày 13/01/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (theo Bản án số: 03/20125/HSST), đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích

+ Ngày 04/03/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (theo Bản án số: 08/2014/HSST), đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích.

+ Ngày 13/4/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (theo Bản án số: 112/2015/HSPT), đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar. Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN THỊ T.

Sinh ngày 15 tháng 01 năm 1985; Tại: Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thiên T, sinh năm 1969 và con bà Phạm Thị T, sinh năm 1962; có chồng là Phạm Trung N, sinh năm 1986 và 01 con, sinh năm 2014.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2023 đến ngày 11/5/2023. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN VĂN M.

Sinh ngày 20 tháng 6 năm 1983; Tại: Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1994.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2023 đến ngày 11/5/2023. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

4. NGÔ DOÃN Đ.

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977; Tại: Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Ngô Hoài T, sinh năm 1938 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1942; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (đã ly hôn).

Tiền án: Không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2023 đến ngày 11/5/2023. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

5. NGUYỄN HỮU H.

Sinh ngày 01 tháng 9 năm 1982; Tại: Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1940 và con bà Bùi Thị P, sinh năm 1949; có vợ là Trần Thị A, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án: Không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2023 đến ngày 11/5/2023. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

6. NGUYỄN HỮU H1.

Sinh ngày 25 tháng 10 năm 1997; Tại: Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1968 và con bà Phạm Thị H, sinh năm 1976; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1996, bị cáo chưa có con.

Tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2023 đến ngày 11/5/2023. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phạm Trung N. Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Ông Hà Văn H. Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T trú tại thôn Tứ Xuân, xã Cư Huê, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk mở quán bán cà phê, nước giải khát tại nhà. Sáng ngày 06/5/2023, T mở quán bán bình thường; khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Lương Văn S, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hữu H, Ngô Doãn Đ và Nguyễn Hữu H1 đến quán uống cà phê. Quá trình ngồi uống cà phê nói chuyện S, M, H, Đ và H1 rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài "Liêng" thì tất cả đồng ý và nhờ T đi mua giúp 02 bộ bài tú lơ khơ đồng thời mượn phòng khách nhà T để đánh bạc thì được T đồng ý; mục đích của T cho các đối tượng đánh bạc là để bán được nhiều nước, thuốc hơn. Ngay sau đó T đi đến quán tạp hóa Tuân Hậu mua 02 bộ bài tú lơ khơ, đem về cho nhóm của Lương Văn S; khi có bài nhóm của Lương Văn S vào phòng khách nhà T ngồi xuống 01 chiếu nhựa đã trải sẵn để tham gia đánh bạc được thua bằng tiền, còn T ở ngoài quán bán cà phê. Cả 05 người thống nhất đánh bài liêng được thua bằng tiền, mỗi ván đặt tiền nước là 10.000 đồng, sau đó mỗi người chơi được tố thêm tiền nhưng tố tối đa không quá 100.000 đồng. Ván bài nào tố tối đa đến 100.000 đồng thì người thắng ván bài đó sẽ bỏ ra 10.000 đồng tiền xâu để đưa cho T. Khi tham gia đánh bạc, S có 300.000 đồng, M có 1.500.000 đồng, H có 1.400.000 đồng, Đ có 1.800.000 đồng, H1 có 400.000 đồng, tất cả sử dụng toàn bộ số tiền này đặt xuống chiếu để đánh bạc. Đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, khi Lương Văn S, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hữu H, Ngô Doãn Đ và Nguyễn Hữu H1 đang đánh bạc thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 5.340.000 đồng và 60.000 đồng tiền xâu cùng các vật chứng liên quan đến hành vi đánh bạc, gồm: 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; 01 Chiếu nhựa kích thước (1,4 x 1,8)m.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐ 334 ngày 30/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ea Kar, kết luận: 01 phòng khách có diện tích (5x3,5)m^2, mái lợp tôn, nền lát gạch men. Được xây dựng vào năm 2005 tại thôn Tứ Xuân, xã Cư Huê, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, tại thời điểm ngày 06/5/2023 có giá trị là 7.758.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 20/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn S, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hữu H, Ngô Doãn Đ và Nguyễn Hữu H1 về tội "Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như cáo trạng và sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Lương Văn S từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Nguyễn Thị T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt: Nguyễn Văn M 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt: Ngô Doãn Đ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Nguyễn Hữu H 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Nguyễn Hữu H1 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đề nghị sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.400.000 đồng *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng),* là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Đề nghị tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơi 52 cây; 01 chiếu nhựa kích thước (1,4 x 1,8)m. Đây là những công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trái phép, không còn giá trị.

+ Đối với căn phòng xây cấp 4 nơi các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 06/5/2023. Đây là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Thị T và chồng là ông Phạm Trung N. Khi T cho các bị cáo khác sử dụng để đánh bạc thì ông N không biết. Vì vậy, cần truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với bị cáo T giá trị ½ căn phòng, tương đương với số tiền là 3.879.000 đồng *(Ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng).*

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như trong bản Cáo trạng; các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi các bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 06/5/2023, tại thôn Tứ Xuân, xã Cư Huê, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Thị T đã đồng ý để cho Lương Văn S, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hữu H, Ngô Doãn Đ và Nguyễn Hữu H1 đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng trong phòng khách nhà T, để T bán nước và nhận 60.000 đồng tiền xâu từ các con bạc. Đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar phát hiện, bắt quả tang; thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.340.000 đồng và số tiền 60.000 đồng đây là tiền xâu để đưa cho T. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.400.000 đồng *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).*

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn S, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hữu H, Ngô Doãn Đ và Nguyễn Hữu H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn S, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hữu H, Ngô Doãn Đ và Nguyễn Hữu H1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ……."

Các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức, biết rõ mọi hành vi đánh bạc trái phép là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải lao động, vì vậy các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến an toàn xã hội, trật tự công cộng mà còn gây mất trật tự an ninh địa phương. Do đó, đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo Lương Văn S, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hữu H, Ngô Doãn Đ và Nguyễn Hữu H1 đều là người thực hành tích cực; bị cáo Nguyễn Thị T là người giúp sức tích cực. Tuy nhiên tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là khác nhau, nên cần phân hóa từng bị cáo nhằm có hình phạt tương xứng.

Đối với bị cáo Lương Văn S, mặc dù số tiền bị cáo dùng để đánh bạc ít hơn so với các bị cáo khác, nhưng bị cáo có 01 tiền án, ngày 28/12/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" (theo Bản án số: 30/2020/HSST); ngày 08/6/2021, chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích; 01 tiền sự, ngày 29/11/2018, bị Công an huyện Ea Kar xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích (theo Quyết định số: 000114/QĐ/XPVPHC), nhưng bị cáo chưa nộp phạt. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm", đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về nhân thân: Ngày 13/01/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (theo Bản án số: 03/2012/HSST); ngày 04/03/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (theo Bản án số: 08/2014/HSST); ngày 13/4/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (theo Bản án số: 112/2015/HSPT), bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của các bản án và đã được xoá án tích. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo S nghiêm khắc hơn các bị cáo khác; phải cách ly bị cáo ra

khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo; đồng thời đủ sức răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng bị cáo đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực, bị cáo chuẩn bị công cụ, phương tiện, địa điểm cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Nguyễn Văn M số tiền dùng để đánh bạc là 1.500.000 đồng, bị cáo Ngô Doãn Đ số tiền dùng để đánh bạc là 1.800.000 đồng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo T, M và Đ cao hơn các bị cáo Nguyễn Hữu H và bị cáo Nguyễn Hữu H1.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hữu H, Ngô Doãn Đ và Nguyễn Hữu H1 "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hữu H có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Lương Văn S là người dân tộc thiểu số, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 cho bị cáo H và bị cáo S.

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M, Ngô Doãn Đ, Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo T, M và Đ được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện; bị cáo H và H1 được tự cảo tạo, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Từ những xem xét, đánh giá, nhận định trên, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp, cần chấp nhận.

[3] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.400.000 đồng *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng)*, là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Tịch thu, tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơi 52 cây; 01 chiếu nhựa kích thước (1,4 x 1,8)m. Đây là những công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Đối với căn phòng xây cấp 4 nơi các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 06/5/2023. Đây là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Thị T và chồng là ông Phạm Trung N. Bị cáo T cho các bị cáo khác sử dụng để đánh bạc thì ông N không biết. Vì vậy, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với Nguyễn Thị T ½ giá trị căn

phòng, tương ứng với số tiền là 3.879.000 đồng *(Ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng).*

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Lương Văn S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M, Ngô Doãn Đ, Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H1 phạm tội "Đánh bạc".

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản l Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Lương Văn S 08 (tám) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù: Kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 06/5/2023).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản l Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Nguyễn Thị T 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Nguyễn Văn M 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Ngô Doãn Đ 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M và Ngô Doãn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Cư Huê, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk là nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M và Ngô Doãn Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M và Ngô Doãn Đ phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M và Ngô Doãn Đ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M và Ngô Doãn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Nguyễn Hữu H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/5/2023 đến ngày 11/5/2023 là 06 ngày (bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ), buộc bị cáo phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Nguyễn Hữu H1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/5/2023 đến ngày 11/5/202306 ngày (bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ), buộc bị cáo phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H1 cho Ủy ban nhân dân xã Cư Huê, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk là nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H1 thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[2] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.400.000 đồng *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng),* là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Tịch thu, tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơi 52 cây; 01 chiếu nhựa kích thước (1,4 x 1,8)m. Đây là những công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

(Đặc điểm như trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/7/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar).

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với Nguyễn Thị T ½ giá trị căn phòng tại thôn Tứ Xuân, xã Cư Huê, huyện Ea Kar, tương ứng với số tiền là 3.879.000 đồng *(Ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng).* Đây là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Thị T và chồng là ông Phạm Trung N, bị cáo T cho các bị cáo khác sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nhưng ông Nguyên không biết.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lương Văn S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M, Ngô Doãn Đ, Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- CCTHADS huyện Ea Kar, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Hải